

Số: 21 /2016/QĐ - UBND

Cao Bằng, ngày 27 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình
thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BTP ngày 31/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục QLXLVPHC&TDTHPL, Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT, NC (L01b).

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh
Hoàng Xuân Ánh

QUY CHẾ

**Phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành
pháp luật trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 21 /2016/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm
2016 của UBND tỉnh Cao Bằng)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật (sau đây viết tắt là TDTHTHPL) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây viết tắt là các sở, ban, ngành); Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây viết tắt là UBND cấp huyện) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác TDTHTHPL trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

3. Các nội dung không được quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ, về theo dõi thi hành pháp luật (sau đây viết tắt là Nghị định số 59/2012/NĐ-CP), Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi thi hành pháp luật (sau đây viết tắt là Thông tư số 14/2014/TT-BTP) và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ quy định của pháp luật.

2. Thường xuyên, kịp thời và hiệu quả.

3. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các tổ chức, cá nhân trong thực hiện công tác TDTHTHPL; không trùng lặp, chồng chéo với các hoạt động thuộc phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước đã được pháp luật quy định.

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Phối hợp trong việc xây dựng Kế hoạch TDTHTHPL.

2. Phối hợp xem xét, đánh giá tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Phối hợp xem xét, đánh giá tính thống nhất, đồng bộ của văn bản quy định chi tiết.

4. Phối hợp xem xét, đánh giá tính khả thi của văn bản quy định chi tiết.

5. Phối hợp xem xét, đánh giá tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật.
6. Phối hợp xem xét, đánh giá về tình hình tuân thủ pháp luật.
7. Phối hợp trong việc thu thập và xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật.
8. Phối hợp trong hoạt động kiểm tra tình hình thi hành pháp luật.

Chương II

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

Điều 4. Phối hợp trong việc xây dựng Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp

Căn cứ Nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán Ngân sách nhà nước hàng năm và thực tiễn thi hành pháp luật tại địa phương, chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch TDTHTHPL, trong đó xác định lĩnh vực trọng tâm TDTHTHPL đảm bảo đồng bộ với trọng tâm trong lĩnh vực kiểm soát thủ tục hành chính và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh trong năm đó.

2. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Các sở, ban, ngành có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu giúp UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch TDTHTHPL có lĩnh vực trọng tâm thuộc phạm vi, trách nhiệm quản lý của đơn vị mình.

b) Hàng năm, căn cứ vào Kế hoạch TDTHTHPL của Ủy ban nhân dân tỉnh, thực tiễn tình hình thi hành pháp luật đối với các lĩnh vực thuộc trách nhiệm được giao quản lý, xây dựng và ban hành Kế hoạch TDTHTHPL của ngành, địa phương, đảm bảo sự phù hợp về lĩnh vực trọng tâm TDTHTHPL của ngành và kế hoạch chung của tỉnh.

Điều 5. Phối hợp trong việc xem xét, đánh giá về tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Các sở, ban, ngành

a) Thường xuyên rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp trên ban hành để xác định đầy đủ nội dung được giao quy định chi tiết. Trên cơ sở kết quả rà soát kịp thời lập dự kiến Danh mục văn bản quy định chi tiết trình UBND tỉnh ban hành.

b) Kịp thời xây dựng, tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch, phân công cơ quan, đơn vị chủ trì, cơ quan, đơn vị phối hợp soạn thảo văn bản.

c) Xây dựng, tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản hoặc trình UBND tỉnh xem xét để trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành theo đúng tiến độ được phê

duyet và quy định đầy đủ nội dung được giao đã được xác định trong Danh mục văn bản quy định chi tiết.

2. Sở Tư pháp

Căn cứ các nội dung được quy định tại Khoản 1 Điều này, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện các nội dung quy định Khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 14/2014/TT-BTP.

Điều 6. Phối hợp xem xét, đánh giá tính thống nhất, đồng bộ của văn bản quy định chi tiết

1. Các sở, ban, ngành

Thường xuyên rà soát, xem xét, đánh giá tính thống nhất, đồng bộ của các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh ban hành thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của đơn vị; kịp thời phát hiện văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ; kiến nghị hình thức xử lý và gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Tư pháp trên cơ sở phân tích, xem xét, tổng hợp các nguồn thông tin được quy định tại Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 14/2014/TT-BTP lập danh mục các văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ theo Mẫu số 3, phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BTP ngày 31/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và TDTHTHPL (sau đây viết tắt là Thông tư số 10/2015/TT-BTP) báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Điều 7. Phối hợp trong xem xét, đánh giá tính khả thi của văn bản quy định chi tiết

1. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 14/2014/TT-BTP kịp thời phát hiện văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính khả thi hoặc có khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành, đánh giá nguyên nhân, kiến nghị hình thức xử lý, gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp.

2. Sở Tư pháp

Trên cơ sở phân tích, xem xét, tổng hợp các nguồn tin được quy định tại Điểm b, c, d Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 14/2014/TT-BTP và Khoản 1 Điều này Lập danh mục các văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính khả thi theo Mẫu số 4, phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BTP hoặc có khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành, báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Điều 8. Phối hợp trong xem xét, đánh giá tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật

1. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện

Tiến hành xem xét, đánh giá tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật theo các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư 14/2014/TT-BTP, gửi Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

2. Sở Tư pháp

Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính tổng hợp, phân tích, xem xét các kiến nghị về đảm bảo các điều kiện cho thi hành pháp luật theo Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 14/2014/TT-BTP, báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Điều 9. Phối hợp trong xem xét, đánh giá về tình hình tuân thủ pháp luật

1. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện

Thực hiện xem xét, đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật theo các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 14/2014/TT-BTP, gửi Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

2. Sở Tư pháp

Phân tích, xem xét, tổng hợp các kiến nghị được quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2014/TT-BTP, báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Điều 10. Phối hợp trong việc thu thập và xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp

a) Có trách nhiệm giúp UBND tỉnh thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật do cá nhân, tổ chức cung cấp hoặc các thông tin được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Sau khi kiểm tra, đối chiếu tính xác thực, thông tin về tình hình thi hành pháp luật được sử dụng làm căn cứ để tiến hành kiểm tra, điều tra, khảo sát về tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Điều 8, Điều 9 Thông tư số 14/2014/TT-BTP hoặc xử lý kết quả TDTHTHPL theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

2. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện

Có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 11. Phối hợp trong hoạt động kiểm tra tình hình thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan xây dựng, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành về tình hình thi hành pháp luật theo kế hoạch TDTHTHPL, trong các lĩnh vực liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của nhiều đơn vị, có nhiều khó khăn,

vướng mắc, bắt cập trong thực tiễn thi hành hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Các sở, ban, ngành

a) Phối hợp với Sở Tư pháp trong hoạt động kiểm tra tình hình thi hành pháp luật theo quy định của pháp luật.

b) Cử đại diện tham gia hoạt động kiểm tra việc thi hành pháp luật theo đúng yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra; giải trình những vấn đề thuộc nội dung kiểm tra; tạo điều kiện thuận lợi để đoàn kiểm tra hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 12. Chế độ báo cáo

1. Báo cáo định kỳ tình hình thi hành pháp luật

a) Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện tổng hợp, xây dựng báo cáo công tác TDTHTHPL trong phạm vi địa phương, lĩnh vực được phân công quản lý gửi về Sở Tư pháp trước ngày 10 tháng 10 hàng năm.

b) Sở Tư pháp tổng hợp, xây dựng báo cáo công tác TDTHTHPL trên địa bàn tỉnh, trình UBND tỉnh để báo cáo Bộ Tư pháp trước ngày 15 tháng 10 hàng năm.

c) Số liệu báo cáo hàng năm được tính từ ngày 01 tháng 10 của năm trước đến ngày 30 tháng 9 của năm báo cáo.

2. Báo cáo chuyên đề, đột xuất tình hình thi hành pháp luật

Khi có yêu cầu của Bộ Tư pháp hoặc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, các phòng, đơn vị chuyên môn giúp UBND cùng cấp xây dựng báo cáo tình hình thi hành pháp luật theo chuyên đề hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

3. Nội dung báo cáo công tác TDTHTHPL được thực hiện theo Thông tư số 10/2015/TT-BTP.

Chương III

PHỐI HỢP VÀ THAM GIA CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT

Điều 13. Phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân thông qua hoạt động công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, xét xử.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên cung cấp thông tin, kiến nghị của nhân dân thông qua hoạt động giám sát tình hình thi hành pháp luật.

3. Hội luật gia tỉnh, Đoàn luật sư tỉnh cung cấp ý kiến, kiến nghị của các luật gia, luật sư về các vấn đề pháp lý liên quan đến tình hình thi hành pháp luật.

4. Các hội nghề nghiệp cung cấp ý kiến, kiến nghị của các doanh nghiệp, các hội viên về tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn, áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của văn bản pháp luật và các vấn đề có liên quan khác.

5. Các cơ quan thông tin đại chúng cung cấp ý kiến phản ánh của dư luận xã hội về tình hình thi hành pháp luật đến các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bằng các hình thức phù hợp.

Điều 14. Các hình thức tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật của tổ chức, cá nhân

Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức xã hội khác và cá nhân tham gia hoạt động TDTHTHPL thông qua các hình thức được quy định tại Điều 12 Thông tư số 14/2014/TT-BTP.

Điều 15. Bảo đảm sự tham gia của tổ chức, cá nhân trong hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp chủ trì, làm đầu mối tiếp nhận và xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật do Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể các cấp và các tổ chức, cá nhân cung cấp, phản ánh.

2. Căn cứ điều kiện cụ thể và yêu cầu của công tác TDTHTHPL Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp tham mưu, giúp UBND cùng cấp huy động sự tham gia của tổ chức, cá nhân am hiểu chuyên môn về ngành, lĩnh vực cần theo dõi thi hành pháp luật; bảo đảm các điều kiện cần thiết cho tổ chức, cá nhân thực hiện cơ chế cộng tác viên và sự tham gia của cộng tác viên TDTHTHPL.

Cộng tác viên TDTHTHPL thực hiện theo chế độ hợp đồng có thời hạn hoặc theo từng vụ việc.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí cho công tác TDTHTHPL của cơ quan, đơn vị thuộc cấp nào do ngân sách nhà nước cấp đó bảo đảm và sử dụng trong dự toán ngân sách được giao hàng năm của đơn vị.

2. Việc thanh quyết toán kinh phí công tác TDTHTHPL thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền theo quy định của pháp luật có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện công tác TDTHTHPL trên địa bàn tỉnh báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tư pháp theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và các tổ chức khác có liên quan trên địa bàn tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp trong việc TDTHTHPL trên địa bàn tỉnh.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong quy chế này được sửa đổi, thay thế thì thực hiện theo quy định của văn bản mới.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Quy chế, nếu có vấn đề phát sinh hoặc có khó khăn, vướng mắc các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tư pháp để kịp thời tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết. /s

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Ánh